

Bản án số: 88/2017/HSST
Ngày: 14/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mùa A Tu và bà Nguyễn Thị Huyền;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2017/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn A**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1954; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Đ; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hoá: Lớp 4; con ông: Lò Văn B (đã chết); con bà: Lò Thị S (đã chết); có vợ là Lò Thị L sinh năm 1957; có 05 người con đều đã trưởng thành, tiền sự: Không; tiền án: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2017. Có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn A: **Ông Nguyễn Quang Khai**; Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lò Thị L**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1957; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Đ; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hoá: Lớp 3; con ông: Lò Văn B (đã chết); con bà: Lò Thị Đ (đã chết); có chồng là Lò Văn A sinh năm 1954; có 05 người con đều đã trưởng thành, tiền sự: Không; tiền án: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2017. Có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị L: **Ông Đỗ Thế Diệp**; Luật sư cộng tác viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* Người phiên dịch cho bị cáo Lò Thị L: Họ và tên: **Tòng Thị Thor**; trú tại: Bản Cộng, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Lò Văn A, Lò Thị L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/5/2017, trên đường đi làm thuê về, Lò Văn A gặp một người nghiện đang hít Hêrôin ở ven đường. Lò Văn A không biết tên và địa chỉ người này. Lò Văn A hỏi người đó có Hêrôin bán cho A một ít. Người đó đã bán lại cho A 01 gói Hêrôin giá 50.000đ. Sau khi mua được Hêrôin, A chia số Hêrôin đó ra làm 02 gói nhỏ rồi đi về nhà. Đến khoảng 7 giờ ngày 23/5/2017, A đưa cho vợ là Lò Thị L cất hộ chiều về sẽ lấy. L nhận lời cầm 02 gói Hêrôin cất vào nút buộc miệng của bao thóc. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tuần Giáo đến kiểm tra, L đã tự giác giao nộp.

Ngày 23/5/2017, cơ quan điều tra đã tiến hành mở niêm phong xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định vật chứng. Số chất Hêrôin thu được của Lò Thị L được xác định trọng lượng là 0,13 gam.

Tại bản Kết luận giám định số: 478/GĐ-PC-54 ngày 15/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu vật gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Thị L là chất ma túy; loại Heroin; trọng lượng vật chứng thu giữ là 0,13 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 70/QĐ-VKS-HS ngày 24/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố các bị cáo Lò Văn A, Lò Thị L về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS. Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53, Điều 20 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; khoản 1 Điều 249 BLHS 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14; xử phạt bị cáo Lò Thị L từ 12 tháng đến 15 tháng tù; xử phạt bị cáo Lò Văn A từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS, để xử lý vật chứng; không phạt bổ sung bằng tiền đối với cả hai bị cáo theo khoản 5 Điều 194 BLHS. Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, miễn án phí HSST cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí quan điểm về tội danh, điều luật mà VKS đã truy tố bị cáo áp dụng, đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, xử phạt các bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo.

XÉT THẤY:

Ngày 23/5/2017, cơ quan điều tra phát hiện Lò Thị L đang tàng trữ hai gói Hêrôin có trọng lượng 0,13 gam được cất giấu tại nút buộc miệng bao thóc trong nhà bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận, số Hêrôin này là của Lò Văn A nhờ bị cáo Lún cất hộ vì chồng bị cáo nghiện ma túy. Khi Lò Văn A đưa

hai gói Hêrôin cho bị cáo, Lò Văn A nói rõ đó là Hêrôin. Bị cáo biết rõ đó là hai gói Hêrôin nhưng vì chồng nhờ cất nên vẫn nhận cất giấu. Tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn A cũng thừa nhận số Hêrôin đó là của bị cáo mua ngày 22/5/2017, bị cáo nhờ Lò Thị L là vợ bị cáo cất giữ để khi đi làm về sử dụng vì bị cáo nghiện ma túy.

Lời khai nhận tội của hai bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản mở niêm phong và xác định trọng lượng vật chứng; bản kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi tàng trữ 0,13 gam Hêrôin của Lò Thị L, Lò Văn A đã phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999, nay được quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015. So với khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 thì khung hình phạt của khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 nhẹ hơn nên cần áp dụng khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 để áp dụng có lợi cho các bị cáo.

Bởi vậy, VKSND huyện Tuần Giáo truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trên là chính xác.

Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt là phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần được chấp nhận.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm sự độc quyền về quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Hành vi tàng trữ trái phép Hêrôin của các bị cáo là nguyên nhân gây nên tệ nạn nghiện ma túy, loại tệ nạn đang gây nhức nhối trong toàn xã hội bởi sự hủy hoại về kinh tế, sức khỏe, tính mạng con người của loại độc dược này nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Lò Văn A là người thực hành tích cực, Lò Thị L là người giúp sức cất giữ Hêrôin cho Lò Văn A nên Lò Thị L và Lò Văn A phải chịu TNHS đối với 0,13 gam Hêrôin.

Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân đối với bị cáo thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa và quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo nên các bị cáo được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Xét nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Lò Văn A là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu. Lò Thị L thấy chồng có hành vi vi phạm pháp luật nhưng không can ngăn mà còn giúp sức. nên cần xử các bị cáo ở mức trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên cần miễn cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Đối với người đàn ông bán Hêrôin cho bị cáo, bị cáo khai không biết tên tuổi địa chỉ nên cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý.

Vật chứng vụ án là 01 gói niêm phong Hêrôin cần áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS tuyên tịch thu để hủy. Chiếc điện thoại di động và số tiền

1.650.000đ là của bị cáo Lò Thị L không liên quan đến việc phạm tội cần trả cho bị cáo.

Các bị cáo sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn A, Lò Thị L phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194, Điều 20, Điều 53, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 1 Điều 249, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH:

- Xử phạt bị cáo Lò Văn A 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 23/5/2017.

- Xử phạt bị cáo Lò Thị L 15 (*mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 23/5/2017.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS, tuyên tịch thu để hủy 01 gói Hêrôin được niêm phong. Trả lại cho Lò Thị L 01 điện thoại di động hiệu Masstel. Đặc điểm vật chứng trên được ghi theo phiếu nhập kho vật chứng số PNKVC 82 ngày 17/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo. Trả lại cho bị cáo Lò Thị L 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi số: 02 ngày 30/8/2017.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2017).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Trung tâm TGPLNN tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thương